

Số phiếu: 04007/2025/PKQ-THH (25.4442)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2025

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
- Địa chỉ lấy mẫu : Khu phố Bàu Bàng, phường Long Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày lấy mẫu : 06/09/2025
- Thời gian thử nghiệm : 08/09/2025 - 15/09/2025
- Ngày trả kết quả : 17/09/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	250908.NT.007	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN *ch*



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 04007/2025/PKQ-THH (25.4442)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2025

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 250908.NT.007)

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT
				Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
1	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup> mg/L	TCVN 6001-1:2021	11	27
2	Asen (As) <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	0,045
3	Thủy ngân (Hg) <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,0045
4	Chì (Pb) <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,003	0,09
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) <sup>(a,b)</sup> mg/L	HDDNHT-23	328	-
6	Cadimi (Cd) <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,045
7	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> ) <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023	KPH (MDL=0,003)	0,045
8	Crom III (Cr <sup>3+</sup> ) <sup>(b)</sup> mg/L	SMEWW 3113B:2023+ SMEWW 3500Cr.B:2023	KPH (MDL=0,003)	0,18
9	Đồng (Cu) <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	1,8
10	Kẽm (Zn) <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,44	2,7
11	Niken (Ni) <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	0,18
12	Mangan (Mn) <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	0,45
13	Sắt (Fe) <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,28	0,9
14	Tổng Xianua (CN-) <sup>(a,b)</sup> mg/L	TCVN 6181 : 1996	KPH (MDL=0,002)	0,063
15	Tổng phenol <sup>(a,b)</sup> mg/L	SMEWW 5530.B&C:2023	KPH (MDL=0,001)	0,09

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.



Số phiếu: 04007/2025/PKQ-THH (25.4442)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2025

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
16	Tổng dầu mỡ khoáng <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	4,5
17	Dầu mỡ động thực vật <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,1	-
18	Sunfua (S <sup>2-</sup> ) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500S2-.B&D:2023	KPH (MDL=0,015)	0,18
19	Florua (F <sup>-</sup> ) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	0,23	4,5
20	Tổng Nito <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000.	10,4	18
21	Tổng Photpho <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,53	3,6
22	Clorua (Cl <sup>-</sup> ) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996.	237	450
23	Clo Đu <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6225-3:2011.	KPH (MDL=0,16)	0,9
24	Coliform <sup>(a,b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	6,3 x 10 <sup>2</sup>	3.000
25	Chất hoạt động bề mặt <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,025)	-

**Chú thích:** (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận VIMcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.
- So sánh quy chuẩn theo Giấy phép môi trường số 76/GPMT-STNMT ngày 07/06/2023 thời hạn tới ngày 07/06/2033.
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- 250908.NT.007: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.  
 2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
 3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại  
 4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

